

Số: 12/2025/QĐST- DSST

Phúc Thọ, ngày 09 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 30 tháng 5 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự thụ lý số 27/2025/TLST-DS ngày 02 tháng 4 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án này là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận của các đương sự:

+ *N đơn*: **Ngân hàng TMCP Q**; Địa chỉ trụ sở chính: Số 18, phường T, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lưu Trung T - Chủ tịch HĐQT.

Pháp nhân đại diện theo ủy quyền: Công ty TNHH Quản lý nợ và khai thác tài sản - Ngân hàng TMCP Q; Địa chỉ: Tòa nhà số 3, phường L, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hà Anh D - Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị T, Trưởng phòng thu hồi nợ tố tụng.

Đại diện tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Tuấn T - Chuyên viên tố tụng.

+ *Bị đơn*: Ông **Hoàng Văn T**, sinh năm 1979 và bà **Lê Thị N**, sinh năm 1987.

Cùng địa chỉ: Thôn 11, xã P, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội.

+ *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- Anh **Hoàng Duy H**, sinh năm 2003 (Con ông T, bà N).
- Anh **Hoàng Duy M**, sinh năm 2007 (Con ông T, bà N).

Cùng địa chỉ: Thôn 11, xã Phụng Thượng, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Tính đến ngày 30/05/2025 ông Hoàng Văn T, bà Lê Thị N còn nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (MB) tổng số tiền: 1.712.839.586 đồng (*Một tỷ, bảy trăm mười hai triệu, tám trăm ba chín nghìn, năm trăm tám sáu đồng*). Trong đó nợ gốc 1.450.000.000 đồng, Nợ lãi 262.839.586 đồng.

Buộc ông T, bà N phải tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 31/5/2025 theo mức lãi suất thoả thuận của Hợp đồng tín dụng số 46683.22.051.14500354.TD, ngày 03/11/2022 cho đến khi trả hết các khoản nợ.

2.2. Nếu ông T, bà N không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa đất số 255ⁿ, tờ bản đồ số 3, diện tích 185m², địa chỉ xã Phụng Thượng, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội, theo GCN Quyền sử dụng đất số T 239789, do UBND huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội cấp ngày 31/12/2002 đứng tên hộ ông Hoàng Văn T. Ngày 24/9/2012 đính chính tên chủ sử dụng đất thành ông Hoàng Văn T, bà Lê Thị N, theo Hợp đồng thế chấp số 2441/HĐTC, quyền số 01/2022/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 03/11/2022.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông Hoàng Văn T, bà Lê Thị N đối với MB. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông T, bà N vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho MB.

Khi ông Hoàng Văn T, bà Lê Thị N hoàn thành nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP Q phải có trách nhiệm trả ông Hoàng Văn T, bà Lê Thị N các giấy tờ liên quan đến quyền sử dụng đất và tài sản đã thế chấp được ghi nhận trong Hợp đồng thế chấp tài sản giữa hai bên.

3. Về án phí: Ông Hoàng Văn T, bà Lê Thị N chịu toàn bộ 31.692.000 đồng (*Ba một triệu, sáu trăm chín hai nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại Ngân hàng TMCP Q số tiền 28.900.000 đồng (*Hai tám triệu, chín trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0013473 ngày 02/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội;

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

*** Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKS huyện Phúc Thọ;
- THADS huyện Phúc Thọ;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trần Duy Hưng